

thật, cộng với sự tìm tòi, gọt rũa, chau chuốt ngôn ngữ của ông. Chỉ tiếc rằng, cả tập thơ, có rất ít những câu thơ như thế và cũng thật buồn là những câu thơ đó lại được đặt trong những bài thơ chưa hoàn chỉnh nên rất khó bật lên được giá trị đích thực của mình:

Nhờ nhàng cuối nẻo đường đời

Tiệc xuân ngòi nhật nắng rơi bên thềm

(Nhật nắng)

Trâu bò gặm nắng sườn đê biếc

Ngơ ngẩn đồng xanh lục lồi về

(Dáng quê)

Đổi đời ngô, gạo... dư thừa

Mái bằng nhớ rạ, máy bừa thương trâu

Lung linh điện, nhớ đĩa dầu

Dun ga thương củi, ăn trâu nhớ voi.

(Hơn xưa)

Cảm xúc chung khi đọc tập thơ này chính là sự ấm áp, quyến luyến của tác giả với những gì thân thuộc, gần gũi với ông ở một làng quê nghèo, bình lặng của một vùng đồng chiêm trũng. Nhưng cũng

vì quen quá, thân thuộc quá, không muốn vứt bỏ một số hình ảnh thân thương, không tìm được từ ngữ để diễn tả hết tâm trạng, tình cảm của mình mà nhiều khi ông hơi tham, sử dụng đi sử dụng lại một cách khiên cưỡng, luẩn quẩn và vay mượn, lắp ghép quá vụng về ngôn ngữ thơ của nhiều người khác. Nếu ông chịu khó dụng công hơn, chịu khó tìm tòi để có được từ ngữ chau chuốt hơn, sáng sủa hơn và nếu ông để cho cảm xúc của mình chín hơn, bật ra một cách chân thật hơn thì chắc chắn đây sẽ là một tập thơ khá và như thế thì người đọc sẽ tâm phục khẩu phục khi "*Đa mang hương đồng*" được trao giải Nhì. Nhưng như thế thì đã tài năng quá, tư cách quá. Như thế thì đã không còn là một Nguyễn Ngọc Vũ như mọi người vẫn biết. Một vài cảm nhận và suy nghĩ về ông và thơ của ông cũng chính là sự tri âm của một bạn thơ với người quá cố.

Tháng 7 - 2007

Bến sông thao thức

Không hiểu sao, khi đặt bút viết vài dòng cảm nhận về tập truyện ngắn *"Chuyện tình trên bến sông"* của Đỗ Thị Thu Hiền, tôi lại thấy lúng túng. Không phải vì sợ là sẽ không biết nói gì, cũng không phải sợ những cảm nhận của mình hơi khát khe và không khách quan cho lắm, mà bởi vì, tự dưng, rất nhiều cảm xúc xáo trộn, rất nhiều suy nghĩ lan man quanh tập sách đó chọt ào đến, không thể nào tĩnh tâm được. Tràn ngập trong lòng là những cảm xúc buồn và trống rỗng khi nghĩ tới những cây bút nữ viết văn ở Hà Nam hiện nay. Họ là những người viết khoẻ nhất, chịu khó in sách nhất và thích được mọi người nói nhiều về mình nhất trong đội ngũ những người viết văn xuôi Hà Nam đương đại. Nhưng cũng

thật buồn là họ chỉ biết hì hục viết, chỉ biết cho in tác phẩm đều đặn như gà đẻ trứng chứ không nhận ra mình, không nhận ra vị trí đích thực của mình, không biết khả năng thực sự của mình như thế nào và bất ngờ hơn nữa là họ thậm chí còn không phân biệt được các thể loại văn học nên cũng chẳng biết là mình đang viết cái gì, thuộc thể loại nào. Viết khoe hàng đầu hiện nay là Chu Thị Phương Lan với đủ các thể loại và ra sách liên tục, nhưng rất tiếc, đó lại là một thứ văn chương thập cẩm, cứ nhờ nhờ, chẳng thể xếp được vào thể loại nào và cũng chẳng thể nào đọc được. Đỗ Thị Thu Hiền thì sức viết không bằng nhưng văn chương lại có vẻ khá hơn, cũng cộc cạch nhận biết được thể loại, cũng đã định hình được phong cách khá rõ ràng và cũng đã biết dựng truyện, có ý thức khá tốt về truyện ngắn. Chỉ có điều, những nhận biết đó còn khá mơ hồ, huyễn hoặc và không thể biến thành những tác phẩm hay vì tài năng có hạn. Không hiểu, một người bận rộn như thế, quảng giao như thế, Đỗ Thị Thu Hiền viết vào lúc nào và làm sao có thể viết được trong sự ồn ào, tất bật, nhưng chỉ cần nhìn vào những tác phẩm của cô, người ta cũng thấy được một sức làm việc thật đáng nể. Thỉnh thoảng, người ta lại thấy một

tập sách mới của cô: khi thì tiểu thuyết, khi thì truyện ngắn, có lúc lại là ký... Vậy mà xem ra, Đỗ Thị Thu Hiền vẫn khá thanh thoi.

Đọc "*Chuyện tình trên bến sông*", tôi vẫn nhận ra vóc dáng một Đỗ Thị Thu Hiền của mười năm về trước: chịu khó đi, chịu khó nghe ngóng, chịu khó lượm lặt, chịu khó lắp ghép, chịu khó viết nhưng bây giờ không còn sung sức như trước nữa mà có phần đuối hơn, bảo thủ hơn, ngộ nhận và ảo tưởng hơn. Phần lớn các truyện ngắn trong tập đã được ưu ái đăng tải khá đều đặn trên tạp chí *Sông Châu* nên những ai chịu khó để ý đến văn học Hà Nam thì không thể nào không biết. Thực thà mà nói, tôi thấy, những truyện ngắn đó khi in ở tạp chí *Sông Châu*, trong một môi trường có nhiều thể loại khác nhau, nhiều phong cách khác nhau và chất lượng các tác phẩm cũng lằng nhằng như nhau, thì chúng ít nhiều cũng có những giá trị nhất định và có thể có được một đời sống riêng, chứ khi dồn lại để in thành một tập sách, thực sự là không ổn bởi chúng dễ bộc lộ sự yếu ớt, què quặt, khiếm khuyết và trống rỗng, chẳng khác nào một đội quân ô hợp, một phân đà của phái Cái Bang khiến cho người đọc cứ nhôn nhọt cảm giác của sự vay mượn, sự bất chước, sự

chấp vá rách rưới, méo mó và thiếu sinh lực. Tuy nhiên, trong số 6 tác phẩm văn xuôi tham dự xét tặng giải thưởng văn học nghệ thuật Nguyễn Khuyến lần thứ V (2001 - 2005) của UBND tỉnh Hà Nam, của đáng tội, "*Chuyện tình trên bến sông*" lại có vẻ khá khảm nhất, thực sự nhỉnh hơn cả và trong số 4 tác phẩm được trao giải chính thức, tập sách này nhận được giải Nhì cũng là điều hợp lí. Nhưng giải thưởng mang tính động viên này cũng chỉ nên khoe với mọi người ở trong tỉnh thôi, chứ mang đi khoe ở ngoài, người ta lại cười cho vì ngay cả tập sách được giải Nhì cũng chẳng ra gì và rất khó đọc. Vì vậy, "*bến sông*" quê còn phải thao thức nhiều nữa, không chỉ bởi những câu chuyện tình, mà vì có người viết rất câu thả, vội vàng về nó với sự xa lạ trong cách sống, sự thiếu hụt về vốn văn hoá đã khiến cho những trang sách trở nên hời hợt và nhợt nhạt. Thao thức còn vì một lẽ: sự mỗi mòn chờ đợi đã quá lâu rồi mà chưa thấy được sự trưởng thành, sự thăng hoa của một cây bút đang có dấu hiệu già nua, cần cỗi. Nhưng biết đến bao giờ, bởi khi người ta đã cố tạo ra cho mình một cái bóng thì không thể nào chạy thoát khỏi cái bóng của mình.

Đọc "*Chuyện tình trên bến sông*", người đọc dễ bị

ức chế, thậm chí có thể nổi khùng lên và quăng ngay cuốn sách đi nếu không kìm chế được bởi hiện diện trong đó là những nhân vật được tạo ra một cách sống sượng, hoang tưởng, không giống con người bình thường, rất xa lạ với cuộc sống và với những người xung quanh, từ hành động, cử chỉ cho đến tư duy, suy nghĩ, hiểu biết và lời nói. Họ tầm tối đến ngọt ngào, ngu dốt đến tù túng, dễ nổi khùng đến hoang đường và dễ dãi đến hoang đại. Họ là những con người của một thế giới nào đó rất xa xôi, không ai biết, không ai tin, cũng có thể là những người trong giang hồ, trong xã hội phong kiến xa xưa chứ không phải là con người bây giờ, ở đâu đó xung quanh chúng ta. Nói thẳng ra, họ là những nhân vật của riêng Đỗ Thị Thu Hiền, rất đặc trưng trong các tác phẩm của Đỗ Thị Thu Hiền, đại diện cho tư tưởng, hiểu biết, suy nghĩ và tình cảm của Đỗ Thị Thu Hiền! Đối với người viết thì văn là người, chỉ cần đọc văn, người ta có thể hiểu được phần nào quan điểm, tính cách, tư duy, tâm tư tưởng và trí tuệ của người viết, nhưng với Đỗ Thị Thu Hiền, thậm chí không cần đọc văn mà chỉ cần nghe người khác kể lại cũng có thể biết được đây là nhân vật và câu chuyện do Đỗ Thị Thu Hiền viết, không thể lẫn

vào đâu được.

Những nhân vật nữ trong "*Chuyện tình trên bến sông*" thường có tính cách rất khó tin. Người nào tốt thì tốt đến khờ khạo, tốt đến ngốc nghếch, tốt đến đần độn và mù mịt. Nếu không thì lại dễ dãi đến mức tâm thần, đến mức dâm dật, lẳng lơ và lẳng loạn không thể nào chịu nổi. Tuy nói như vậy, nhưng người đọc cũng không thể hình dung một cách rõ ràng được tính cách, suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật như thế nào, bởi tác giả không hề tả động đến, mà chỉ có thể nắm được một vài biểu hiện của tính cách nhân vật thông qua mấy lời kể đơn giản đến mức sơ lược của tác giả và tự cảm nhận mà thôi. Lê (trong truyện ngắn "*Chuyện tình trên bến sông*") là một người con gái đẹp người đẹp nết nhưng vì mê tiếng hát của Khuyến, một chàng trai đánh cá nghèo khổ từ ngày còn trẻ, đã sẵn sàng từ bỏ cả gia đình êm ấm, sung túc nơi thị xã phồn hoa, về lại bến sông nhếch nhác và đầy bất trắc ngày xưa để được sống cạnh Khuyến, giúp Khuyến làm lại cuộc đời khi mà vợ anh ta bỏ đi vì không chịu đựng được cảnh sống nghèo khổ, bấp bênh nơi sông nước, khiến cho Khuyến suốt ngày say khướt. Quả là một phụ nữ lẳng mạn đến điên rồ! Yên (trong truyện ngắn

"*Tình đất - tình người*") còn tốt đến mức sẵn sàng bỏ cả nhà cửa và gia đình, sẵn sàng chịu mọi khổ sở và chấp nhận mọi điều tiếng để đến ở và chăm sóc Phung - người mà cô thầm yêu từ ngày còn chiến tranh, tại nhà anh, khi mà vợ Phung bỏ nhà đi theo người đàn ông khác. Yên ở đó hơn mười ba năm cho tới khi Phung qua đời và sẵn sàng ra đi khi vợ Phung - một người đàn bà lẳng lơ và nanh nọc về đời đất, đời nhà. Nụ (trong "*Thung Phật*") đang lúc chán chồng, cùng cơ quan đi du lịch ở Thung Phật, chỉ sau nửa ngày được một thanh niên lạ huơ lạ hoặc tên là Huy quan tâm giúp đỡ và chăm sóc tận tình, cô đã có thể ngủ với anh ta. Ngay cả một cô gái người dân tộc tên là YBolán (trong truyện ngắn cùng tên) khi gặp bộ đội Quang bị rắn độc cắn gần chết ở trong rừng, đã chữa và chăm sóc anh vài ngày, trước khi chia tay cũng lại ngủ với Quang... Các nhân vật nữ của Đỗ Thị Thu Hiền trong tập truyện ngắn này đều xuất hiện theo những mô típ quen thuộc ấy.

Những nhân vật nam thường ngờ nghệch đến đáng thương, nếu không thì lại dốt nát, bạc nhược, cục cằn và hung hãn. Ngay cả các cụ già mà Đỗ Thị Thu Hiền gọi là "*các cụ tiên chỉ*" (trong "*Công làng*") cũng chỉ vì mấy câu nói kháy mà tức khí cho phá bỏ

cái công làng trị giá mấy chục triệu, vừa mới xây xong ngay trong ngày tổ chức lễ khánh thành. Cường (trong "Sao khuya") lại cục cằn, hung hãn đến mức, mới vừa nói chuyện với vợ được mấy câu, chẳng có mâu thuẫn gì, chẳng có gì phật ý mà tự dưng cũng điên lên, túm tóc tát vợ đến tím bầm má (trang 98), hay Kiên (trong "Thung Phạt") lại chỉ vì lời khuyên rất nhẹ nhàng, có tình có lí của vợ mà phát khùng lên, quát tháo âm ỉ (trang 122)... Nói chung, dễ nhận ra các nhân vật trong truyện ngắn của Đỗ Thị Thu Hiền có mấy điểm giống nhau: không có tâm trạng, không có tình cảm, hành động thiếu suy nghĩ, thiếu kiềm chế nên dễ bị kích động, hiểu biết nông cạn, què quặt về nhân phẩm và cách sống. Lúc đầu, tôi cũng đã nghĩ là Đỗ Thị Thu Hiền chủ ý viết về những con người như thế nhưng hoá ra lại không phải, vì ngay cả những câu chuyện viết về người tốt, việc tốt thì nhân vật chính cũng vẫn có những suy nghĩ, lời nói và hành động như thế. Điều đó cho thấy tay nghề non nớt và một sự hiểu biết về cuộc sống, về cách hành xử của con người hơi khiếm tốn đã khiến tác giả không thể điều khiển được nhân vật, không thể mang lại cho nhân vật một đời sống riêng, không thể cho nhân vật những bối cảnh

để bộc lộ tất cả tâm tư, tình cảm, tính cách, số phận nên phải tìm cách gò ép các hành động, lời nói của nhân vật một cách vụng về, sống sượng theo suy nghĩ và nhận thức chủ quan của mình, áp đặt cách nghĩ, cách xử sự của mình cho nhân vật, khiến cho tất cả các nhân vật cứ quen quen, na ná giống nhau.

Có đến gần một phần ba trong tổng số 18 truyện ngắn in ở tập sách của Đỗ Thị Thu Hiền viết về miền núi, nơi mà hầu như tác giả chỉ biết đến qua phim ảnh, qua sách vở chứ không sống ở đó, kiến thức, hiểu biết về văn hoá, phong tục tập quán ở đó quá ít ỏi, bập bõm nên viết ra truyện rất méo mó, dị dạng, chẳng khác gì một anh nông dân chưa bao giờ ra thành phố nhưng được xem một bộ phim về thành phố nên đi đâu, gặp ai cũng khoe chuyện phố xá như chính mình vừa ở trên phố về vậy. Viết như vậy, không những không ra gì, mà lại có vẻ như muốn khoe khoang những hiểu biết về miền núi và cứ làm như những điều đó, người đọc không biết gì. Rất nhiều câu chuyện, Đỗ Thị Thu Hiền chỉ được nghe kể lại một cách bập bõm, mặc dù không hiểu lắm, mặc dù chỉ là một cảm nhận rất mơ hồ, không rõ ràng, không nắm bắt được cụ thể và càng không thể hình dung được đầy đủ, sâu sắc nhưng cô vẫn

thêm thắt để thành truyện ngắn với sự thiếu hụt vốn sống, méo mó sự việc, chấp vá ngôn từ, hời hợt về nội dung, nông cạn về tư tưởng khiến cho những câu chuyện bỗng trở nên vớ vẩn, vô hồn vô cảm và hết sức nhảm nhí. Truyện ngắn "Quán số 5" chẳng hạn, viết về chiêu lừa gạt quen thuộc, cũ kỹ và tầm thường của một quán karaoke nhưng chẳng mang nội dung gì, chưa đạt tới tâm và có nhiều chi tiết hết sức thô thiển, tục tĩu kiểu văn chương chợ búa, văn chương vỉa hè, cho thấy tác giả chẳng hiểu gì về cách ăn chơi của các nhân vật có máu mặt cả, vì trong cuộc sống, có chăng là bọn dửng mỡ thôi chứ chẳng có "sếp" nào háu gái đến mức bệnh hoạn như thế. Họ có bản lĩnh và đẳng cấp hơn nhiều. Cũng chẳng làng nào có đến mấy cụ *tiên chỉ* cả. Chẳng qua, tác giả không hiểu *tiên chỉ* là gì, cũng chẳng hiểu được là ngày nay, tất cả mọi chuyện lớn nhỏ của làng quê đều phải có sự chỉ đạo, sự quan tâm của chi bộ Đảng, của chính quyền địa phương và các đoàn thể nên mới để cho các cụ tự ý làm, rồi bực mình thì lại tự ý phá cổng làng với nhau (trong "Cổng làng"), để cho cô Mai chết nằm mãi dưới giếng làng mà chỉ thấy mọi người xúm đen xúm đỏ để xem, chẳng ai chịu vớt lên và cũng chẳng thấy

bóng dáng của công an hay chính quyền địa phương đến giải quyết (trong "*Một mình*") và để cho Yên (trong "*Tình đất tình người*") sống tới gần 14 năm trong nhà của một người đàn ông đang có vợ mà chẳng thấy chính quyền địa phương xử lí gì, cũng chẳng thấy đoàn thể nào hay người nào trong làng, trong họ hiểu biết về pháp luật giúp anh Phung li hôn vắng mặt với vợ, để đến lúc cô ta mang tờ giấy chứng nhận đăng kí kết hôn về đòi tất cả đất và nhà mới thấy họ hàng hùng hổ kéo nhau ra uy hiếp. Thật là hết sức vớ vẩn vì làng quê chứ đâu phải giang hồ mà toàn người lấy sức mạnh làm lẽ phải. Với lại, vợ Phung cũng như họ hàng của anh cần phải biết, khi chết, Phung có để lại di chúc không và quyền thừa kế tài sản của chị ta được pháp luật quy định như thế nào chứ... Rất nực cười và nhảm nhí. Rất kém hiểu biết về pháp luật.

Điều mà người đọc có thể hiểu và thông cảm cho Đỗ Thị Thu Hiền là cô đã rất cố gắng trong việc dựng truyện, cố gắng đưa vào truyện nhiều chi tiết nhằm làm nổi bật tính cách của nhân vật nhưng đáng tiếc là đã không thành công. Các câu chuyện đều có nội dung và đề tài cũ kĩ quen thuộc nhưng cách kể lại dễ dãi, sơ lược, tác giả không có cách tiếp

cận mối, không khai thác được những khía cạnh mới, không tìm ra được những chi tiết mới nên không hấp dẫn, không cuốn hút và không thuyết phục được người đọc. Giọng kể chuyện đều đều, nhàn nhạt và theo một mô típ quen thuộc chung là các hành động của nhân vật, các chi tiết truyện được sắp xếp theo trình tự thời gian nên dễ làm cho người đọc buồn ngủ và khó tiêu hoá. Câu chữ trúc trắc, lủng củng, còn nhiều lỗi ngữ pháp, chưa có được sự gắn kết, sự nhuần nhuyễn, chưa được nén lại cho súc tích, gọn gàng mà quá rườm rà, dài dòng, lan man. Ngôn từ còn sáo rỗng, đơn điệu, chưa có sức tả, sức gợi, chưa đa âm, đa nghĩa, còn rất đơn giản và vụng về. Nhiều câu chuyện khá kịch tính và tương đối hấp dẫn nhưng tác giả lại không biết khai thác các chi tiết, tình huống mà chỉ liệt kê một cách đơn giản và sơ lược nên có rất nhiều chi tiết lan man, thừa thãi, vô duyên, không thể đẩy được những mâu thuẫn lên thành cao trào, thành vấn đề của truyện để nhân vật tự bộc lộ. Vì vậy mà các nhân vật không có đời sống nội tâm, tính cách thì mơ hồ, mờ nhạt, không giống với đời thường. Cuối các truyện, Đỗ Thị Thu Hiền thường không biết xử lý thế nào cho gọn, cho hay nên đành phải gò ép các chi tiết, các tình

huống theo cảm tính để tạo thành cái kết có hậu. Vì thế, các truyện ngắn thường mang lại cho người đọc một cảm giác rất kịch, rất khiên cưỡng và sống sượng. Nhiều câu chuyện khá vu vơ, bông phèng và nhằm nhí cho thấy Đỗ Thị Thu Hiền ít có hiểu biết về cuộc sống... Có lẽ, nếu tác giả chỉ viết về những gì xung quanh mình, viết về những gì gần gũi, quen thuộc, gần bó, những gì từng trải nghiệm, từng trải trở, từng lăn lộn ở đó... những trang sách sẽ hay hơn, chân thật hơn, giản dị và có sức lay động hơn, chứ không nên viết về miền núi, viết về những con người xa lạ, về những góc khuất của cuộc sống mà tác giả hầu như không biết gì về nó, cũng không nên tìm đến những cái xa xôi hơn để đánh lừa cảm giác ban đầu của người đọc khiến cho họ vừa đọc xong đầu đề truyện đã muốn đọc tiếp vì tò mò, vì hứng thú để sau đó lại thất vọng và bực mình. Như thế là coi thường độc giả!

Mọi người chê trách nhất ở Đỗ Thị Thu Hiền là quan điểm sáng tác khá nặng nề, lên gân lên cốt, có vẻ rất đao to búa lớn của cô. Trong bất cứ câu chuyện nào, dù là truyện ngắn hay chỉ là một dạng truyện vớ vẩn, Đỗ Thị Thu Hiền bao giờ cũng cố gắng đưa vào đó những giáo lí, những tư tưởng triết

học dù bản thân tác giả cũng chỉ nắm lơ mơ về những điều đó và dù những điều đó chỉ được thể hiện dưới dạng hô hào, khẩu hiệu. Truyện ngắn của Đỗ Thị Thu Hiền mang nặng tính giáo điều, luôn nói đến những điều to tát, ghê gớm của cuộc sống nên thường đặt đầu đề các truyện ngắn không phù hợp với nội dung của truyện. Truyện "Trả nợ đời" triết lí về luật nhân quả bằng một câu chuyện nhạt nhẽo, tầm phào. Truyện "Làng đời" lại mượn câu chuyện vặt vãnh về cô bé Trà Mi nhặt được một con chó nhỏ bị bỏ rơi và chăm sóc nó bằng tất cả tình thương yêu và niềm hạnh phúc nên sau này khi gặp khó khăn đã được mọi người cứu mang. Truyện "Hà Sói" thì kể lại câu chuyện của một kẻ phạm tội đã được cải tạo thành người tốt nhờ một cái tát trời giáng và một cái án kỉ luật buộc thôi việc dành cho một quản giáo có lương tâm và trách nhiệm nhằm khẳng định: lòng bao dung, độ lượng, đức hy sinh của con người có thể cảm hoá, cải tạo những con người lầm lạc thành người tốt. Trời ạ. Nếu truyện ngắn của Đỗ Thị Thu Hiền thực sự chuyển tải được những điều đó thì có lẽ tôi đã điên thật. Truyện nào, cô cũng dúi vào đấy một vài thứ triết lí trống rỗng, một vài đạo lí cao siêu, một kiểu rao giảng đạo đức

suông khiến người đọc cứ có cảm giác đang bị tác giả lên lớp. Ai cũng biết, giáo dục là một chức năng quan trọng của văn học nhưng nó phải được lồng ghép khéo léo vào câu chuyện, vào các hành động của nhân vật, các tình huống truyện để mọi người có thể tự cảm nhận và bị thuyết phục khi đọc truyện chứ không phải là sự hô hào, cũng không phải nói ra lồ lộ như vậy và lại càng không thể bằng những câu chuyện vô lí đến mức không tưởng như thế.

Để viết được truyện ngắn, đầu tiên cần phải có một ý tưởng. Ý tưởng này sẽ mang lại cho người đọc một quan điểm hay một triết lí nào đó. Muốn ý tưởng dễ được mọi người chấp nhận thì phải lồng được vào trong một câu chuyện. Câu chuyện muốn cuốn hút và hấp dẫn thì phải có nhân vật và phải để cho nhân vật tự bộc lộ tính cách, nội tâm, có nghĩa là phải xây dựng được những tình huống và có những chi tiết hay. Câu chuyện có hấp dẫn hay không là nhờ các hành động của nhân vật thông qua các chi tiết. Tóm lại, chi tiết sẽ làm cho các nhân vật sống động và có nội tâm, có tính cách, có số phận. Nhân vật sẽ nuôi sống câu chuyện. Câu chuyện sẽ nuôi sống ý tưởng và làm nên một truyện ngắn thành công. Tất nhiên, có những truyện ngắn không

có truyện. Điều đó đòi hỏi người viết phải có tài năng và tài năng đó phải được bộc lộ ra ngay từng trang viết. Không phải Đỗ Thị Thu Hiền đang viết những trang sáng tác đầu tay, mà cô đã có hàng chục năm cầm bút nên tài năng ra sao, thực lực thế nào, thì qua những tác phẩm đã in của cô, mọi người đều có thể biết và tác giả của nó cũng phải nhận ra. Mỗi thành công bao giờ cũng đòi hỏi phải có một quá trình lao động miệt mài và nghiêm túc, thậm chí phải trả giá nữa, nhưng trong sáng tác văn học, không có tài năng thì không thể thành công được. Nếu có tài năng thì cũng không thể giấu giếm được mà qua mỗi trang viết, tài năng đó sẽ bộc lộ ra ngay và sẽ được khẳng định, nên nếu không có tài thì người viết cũng không nên tự huyễn hoặc và ảo tưởng làm gì vì không phải cứ chờ đợi lâu là tài năng sẽ phát tiết ra ngoài. Ở tuổi gần 60, tôi nghĩ, Đỗ Thị Thu Hiền cũng đã có được những thành công nhất định, nên biết đủ và dừng lại.

Tháng 4 - 2007

Tâm trạng của một người đang đuối sức

Trong số 35 tác phẩm của 35 tác giả được trao giải chính thức - Giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến lần thứ V (2001 - 2005) của UBND tỉnh Hà Nam, chỉ duy nhất có Nguyễn Xuân Công không phải là hội viên của Hội Văn học nghệ thuật, dù không phải chỉ có một mình anh là người ngoài hội tham dự xét giải lần này. Điều làm người ta tò mò và hết sức ngạc nhiên là lâu nay, bộ môn Thơ vẫn là bộ môn âm ỉ nhất của Hội VHNT với số hội viên đông đảo và hùng hậu, chiếm tới hơn một phần năm lực lượng của cả hội và luôn rầm rộ với sự ra đời hàng loạt tập thơ mỗi năm, cùng với nhiều "tuyên ngôn nghệ thuật" làm nức lòng người đọc, người yêu thơ, lại bị một tác phẩm khá mỏng manh, nhẹ nhõm của một tác giả được coi là chưa mấy tên tuổi vượt qua một cách khá dễ dàng để giành giải thưởng. Điều đó chắc chắn là không mấy dễ chịu đối với

những người luôn tự vỗ ngực cho mình là tài năng nhất, thơ mình là hay nhất, nhưng thực sự là đáng nể cho sự cố gắng không mệt mỏi của một người làm thơ luôn có ý thức học hỏi mọi người.

Đọc tập thơ "*Thương cánh chim chiều*" của Nguyễn Xuân Công, người đọc có cảm giác rất rõ ràng về tâm trạng cố gắng vẫy vùng, cố gắng để làm được một điều gì đó của một người đang đuối sức trong ngòi bút của mình, bởi hầu hết các bài thơ trong tập đều chưa hoàn thiện, còn yếu và khá non, bút pháp hơi *bấy*, cảm xúc bị *chín ép* nên khá gượng gạo. Vì cảm nhận được mình đang đuối sức, đang hụt hơi nên anh muốn xốc lại tinh thần, muốn được bùng lên thực sự chói lọi trước khi bất lực trước ngòi bút, trước khi chuyển sang chủ yếu làm thơ phong trào. Vì nhận ra mình đang xuống sức, đang hụt hơi nên trong tâm trạng thấy lo lắng và cái gì cũng cố, giống như một người đang bơi bị *chuột rút* vậy, bị mất sức nên cố gắng vẫy vùng, cố gắng vào được bờ dù bờ còn ở rất xa, trước khi thực sự chìm ngهم. Anh đã cố gắng viết xong một bài thơ khi cảm xúc còn non, chưa chín, khi ý tứ chưa rõ ràng, thậm chí cố gắng nặn ra bằng được cảm xúc một cách vội vàng khi mới chỉ có một vài suy nghĩ thoáng qua

trong đầu, cố gắng nhặt nhạnh, gom lại, dồn lại tất cả những gì đã viết được để thành một tập mà không đủ số lượng để có thể chọn lọc và cân nhắc... Đó là cái tham của một anh nông dân nghèo đi mót lúa trên cánh đồng sau vụ gặt. Vội vàng theo kiểu vợ bèo vạt tép đó sẽ khó để thành một cái gì cả mà chỉ có thể tự huyễn hoặc được bản thân mình, vớt vát được những gì còn sót lại, đọng lại dù rất nhỏ nhoi của quá khứ đã qua. Vì thế mà mong muốn có được một tập thơ chắc tay, chững chạc, nặng kí không thể thành hiện thực, trái lại, nó còn mang đến cảm giác về một sự vụn vặt và rất chông chênh, dễ đổ vỡ trong một tập thơ.

Người đọc dễ bị choáng ngợp, dễ bị đánh lừa khi ngay trang đầu, tập thơ được trang trí bằng một lời giới thiệu khá kêu của Nguyễn Hải Chi theo kiểu *treo đầu dê bán thịt chó*. 41 bài trong tập, có đến hơn một nửa được viết theo thể thơ lục bát, trong đó, hầu hết là dạng thơ thông tấn, cung cấp thông tin theo trình tự thời gian và không gian là chính, chứ rất ít khi người đọc nhận ra được cảm xúc, tâm trạng của người viết và ngôn ngữ trong tập thơ do không được gạn lọc kĩ, không được dồn nén nên nhiều khi nôm na như văn vắn, khá đơn giản và

mộc mạc như lời ăn tiếng nói hàng ngày của mọi người:

Cuộc sống hôm nay đã đổi thay

Trường lớp mới cháu con học chữ

Xua đói, dốt lùi vào quá khứ

Khuyến học, khuyến tài, nâng bước cháu con đi

(Làng tôi)

Tháng Ba trông lúa trở

Rét nàng Bân tăng cường

(Trông)

Hầu như bài thơ nào cũng có những câu lủng củng như thế, dễ dãi như thế, nôm na như thế. Đây là ngôn ngữ nói chứ không phải ngôn ngữ thơ vì ngôn ngữ thơ hình tượng hơn, chọn lọc hơn, dồn nén hơn, biểu cảm hơn. Tuy nhiên, điều đó hoàn toàn có thể hiểu được và có thể thông cảm với anh vì anh là một công nhân, chứ không phải là người làm thơ chuyên nghiệp. Một công nhân suốt ngày tất bật với công việc, suốt ngày sống trong bụi bặm của xi măng mà vẫn say mê như thế, đến với thơ một cách quyết liệt như thế, thật đáng trân trọng. Ngay cả những hội viên của Hội VHNT cũng có mấy người

làm thơ khá hơn anh!

Nhưng dù có yêu anh đến mấy, có cảm phục sự cố gắng của anh đến mấy khi anh cho ra được tập thơ đầu tay này, thì tôi cũng không khỏi buồn cho anh và lo cho thơ. Thơ cứ viết kiểu ồ ạt như thế, ai cũng thích in thơ và đều có thể in với số lượng nhiều như thế, nhiều đến nỗi, các tập thơ cứ nằm lăn lóc trong ngăn kéo, trong gầm bàn của các cơ quan, doanh nghiệp, trường học, trở thành giấy gói xôi, đùm bánh rán cho mấy bà bán quà sáng, thậm chí nằm mốc meo, lẫn lộn trong mớ rác rưởi của mấy bà mua đồng nát thì không thể không lo lắng. Còn với anh, không phải là anh không có tài, nhưng có lẽ sau bao năm quăng quật với đời để mưu sinh, đến lúc có được cuộc sống ổn định, có điều kiện để làm thơ thì anh lại tỏ ra sốt ruột, nôn nóng và khi mới chỉ làm được vài bài thơ đã muốn nhanh chóng có được thành công. Giá như anh trầm tĩnh hơn, chất lọc hơn, để cho cảm xúc chín hơn, có nghĩa là cần nhiều thời gian để đầu tư hơn, thì thơ của anh nhất định sẽ có được những thành công, bởi một số bài tầm tàm trong tập đều là những bài có tứ tốt, có nội dung khá xúc động và đã có được một vài câu khá gợi:

Mẹ xa xôi ở phương nào

Con bơ vơ giữa chiêm bao mỗi mòn

(Mẹ về trong giấc chiêm bao)

Ngày xưa trên cánh đồng này

Chưa mưa đã úng, trâu cày thút lừng

Cha tôi cắt luống nửa chừng

Thân ngâm nước buốt, dò từng bước đi

(Đồng chiêm bây giờ)

Một số bài thơ được anh viết từ thời còn là lính chiến đấu ở chiến trường cũng có cảm xúc khá tốt, nhưng do chưa được dụng công nhiều nên nó chỉ giống như những vĩa quặng mới được khai thác lên từ lòng đất chứ chưa được tinh chế thành những sản phẩm có chất lượng cao. Chính anh cũng đã nhận ra điều này và cũng hiểu được là nàng thơ khá đỏng dảnh, khá khó tính, khá khắc nghiệt nhưng lại là thú vui trong cuộc sống để gửi gắm tâm trạng, giải bày cảm xúc, bộc bạch nỗi lòng, chứ chẳng mang lại giá trị vật chất cũng như tinh thần và cũng chẳng thể khoả lấp được nỗi lo cơm áo. Thật tiếc là tuy anh đã hiểu nhưng lại không thể vượt qua được điều đó:

Tôi lênh đênh với áo cơm

Còn may vịn được thảo thơm thơ người

(Lênh dênh)

Cả tập thơ, có lẽ bài được nhất, hoàn thiện nhất và đáng đọc nhất là bài "*Tháng Ba*". Cảm xúc trong bài thơ chính là sự hồi tưởng của một người con về quê hương với những nét đẹp rất truyền thống, rất đặc trưng trong văn hoá làng quê thời kì còn lam lũ, cơ cực đã xa lắc xa lơ. Đó là cảm xúc xót xa, tủi phận nhưng cũng đầy tiếc nuối của Nguyễn Xuân Công khi phải đối mặt với cuộc sống bon chen thường nhật. Vì vậy mà anh đã có được nhiều câu thơ làm cho tôi khá ấn tượng và thích thú. Nếu được gọt rũa kỹ hơn sẽ là những câu thơ rất hay và tài hoa:

Tháng Ba hoa gạo màu cờ

Lúa chiêm đợi sấm. cau chờ nắng ra

Mưa rào thả xuống khúc ca

Côn trùng rỉ rả vỡ òa tiếng đêm...

... Nổi chìm hạt thóc gieo neo

Mà nuôi sống cả bao nhiêu kiếp người

Nỗi niềm câu ví Mẹ ơi!

Cứ day dứt mãi cái thời tháng Ba...

Nói vui như nhiều người, thì có lẽ, chính hai bản nhạc được in ở cuối tập thơ đã gỡ gạc, vớt vát lại giá trị cho cả tập, vì thực sự, trong số công chúng yêu thơ và ngay cả những người làm thơ, rất ít người có thể đọc được nhạc, hiểu được nhạc nên thường cứ thấy ai viết được nhạc là cho rằng người đó có tài và bài thơ nào được phổ nhạc là bài thơ giàu cảm xúc, giàu nhạc điệu nên sẽ là bài thơ hay. Lẽ dĩ nhiên, đó chỉ là cảm nhận khi đọc bản nhạc mà không hiểu gì, chứ khi nghe nhạc, chắc chắn sẽ khác. Dù sao thì cũng mừng cho anh vì ngoài làm thơ, anh còn có thể sáng tác được nhạc. Đó là điều ít người làm được. Và thực sự thì giải Ba - Giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến trao cho tập "*Thương cánh chim chiều*" của anh không phải là không có lí, bởi những tập thơ không được giải còn lại, thật khó mà tìm thấy được tập thơ nào nhỉnh hơn.

Tháng 6 - 2007

Một tập thơ viết bằng lối tư duy nhà giáo

Không khó để nhận ra Nguyễn An Ninh là một nhà giáo, chỉ sau khi đọc vài bài trong tập thơ "*Sông Hồng ơi sông đỏ*" của ông, kể cả với những người chưa bao giờ được gặp và trò chuyện cùng với ông, hay chưa bao giờ được nghe ai nói về ông. Đây là phong cách rất điển hình của những người có nhiều năm đứng trên bục giảng. Phải thừa nhận rằng, những người làm nghề dạy học, rất ít ai có thể giấu được nghề nghiệp của mình khi cầm bút sáng tác, bởi từng câu, từng chữ, từng ý trong mỗi bài thơ của họ bao giờ cũng lộ lộ ra đây những tâm tư, tình cảm, những suy nghĩ, trăn trở mà chỉ người làm thầy mới có. Và rất ít trong số họ thực sự dám dấn thân vào thơ, sống hết mình với thơ, yêu hết mình trong thơ và luôn biết tìm ra những cái mới lạ của cuộc sống, luôn quần quai, đau đớn với những nỗi đau trong kiếp nhân sinh. Đó là một hạn chế nghề nghiệp rất đáng tiếc của hầu hết những nhà giáo cầm bút. Vì

vậy mà thơ của họ có chuyên nghiệp đến mấy, có tài hoa đến mấy cũng chỉ dừng lại ở một ngưỡng nhất định - đó là sự chùng mực, sự rạch ròi, mạch lạc..., những điều không thể chấp thêm đôi cánh cho thơ vì tư duy thơ khác rất nhiều so với tư duy của lí trí. Cho nên, nếu không thể *hoá thân*, nếu không thể *lột xác* khỏi cái vỏ bọc của nhà giáo, người viết bao giờ cũng chỉ viết ra được những câu thơ cũ kỹ, sáo mòn, khuôn mẫu như một dạng công thức. Có thể dễ dàng nhận ra tất cả những điều đó trong "*Sông Hồng ơi sóng đỏ*" và cảm nhận chung là thơ Nguyễn An Ninh rất hiền, một sự hiền lành đến đơn giản và tròn trịa, chỉ chu đến mẫu mực trong cách sống, cách nghĩ và được thể hiện ra cả cách viết. Đường như bằng đen, phấn trắng và mấy mét vuông nhỏ bé của bục giảng, những ngôn ngữ quen thuộc để truyền đạt cho học trò, cách sống điềm đạm, mô phạm và khá nguyên tắc, khá cứng nhắc đã làm nên một tư duy thơ đậm đặc chất sư phạm của ông, dù cả tập thơ chỉ có duy nhất bài "*Hát với lời hoa*" là nói về nghề dạy học. Chính tư duy này đã vô tình tạo nên một khuôn mẫu, đã trói chặt tư duy sáng tạo của Nguyễn An Ninh, nhưng nó cũng mang đến cho người đọc một cảm giác rất rõ ràng về sự mạch

lạc và bài bản, một sự nghiêm cẩn và đạo mạo, một sự kỹ lưỡng trong suy nghĩ và một sự lí giải vấn đề thấu đáo, đầy đủ và trọn vẹn.

Cách cảm, cách nghĩ, cách sống khá mẫu mực, nguyên tắc của người thầy đã làm cho Nguyễn An Ninh luôn suy nghĩ mọi việc một cách thấu đáo và trọn vẹn. Ngay cả khi khóc người em trai tài danh, học rộng, quảng giao, có nhiều công trạng nhưng sớm qua đời vì mắc bệnh hiểm nghèo, dù rất đau đớn và bối rối, ông vẫn giữ được phong thái của một ông đồ nho, vẫn có thể hồi tưởng và kể lại đầy đủ, tuần tự cuộc đời và sự nghiệp của em mình rất bài bản như một bài điếu:

Bút khoả tài hoa trọn một đời

Văn chương từng đoạt giải nguyên khôi

Giang hồ lịch lãm thông kim cổ

Trà rượu giao du rộng đất trời

Nâng bút diệt trừ quân hại nước

Xả thân bảo vệ bậc thương nòi.

(Khóc em)

Thậm chí, trong tiếng khóc của ông, nước mắt chảy vào trong nên nó là tiếng nấc của nỗi đau âm ỉ,

kìm nén chứ không vỡ oà ra, không ăng ạc nước như những người khác:

Bụi hồng sớm lánh tìm đâu thấy

Khóc em trang báo lệ đầy vơi.

(Khóc em)

Cả bài thơ là một tiếng khóc "mô phạm", khá bài bản và rành mạch khiến cho người đọc có cảm giác khiên cưỡng, gượng gạo, khách sáo và hơi sách vở, bởi ngay cả Nguyễn Khuyến khi khóc Dương Khuê cũng đâu có khóc theo kiểu tổng kết cuộc đời và sự nghiệp như thế, mà Nguyễn Khuyến khóc vì quá thương bạn, đau đớn vì mất bạn, vì nhớ bạn trong những thú vui phong lưu... Tất nhiên, với thể thơ thất ngôn bát cú, lại viết theo lối chữ Hán thì buộc phải viết như thế, nhưng ông cũng có thể chọn một thể thơ khác để giải bày lòng mình, để thể hiện cảm xúc của mình cơ mà. Mọi sự so sánh đều khập khiễng và trong trường hợp này lại càng khập khiễng hơn, nhưng qua đây, mọi người cũng nhận ra được, theo quy luật tâm lí thông thường thì khi bị mất người thân yêu, cảm giác đau đớn, mất mát thường đến rất nhanh và thường gắn với sự dần vật, thương xót rất cụ thể về một việc gì đấy rất gần gũi

và gắn bó, rất sâu sắc với người đã mất như một món nợ chưa trả được, một lời hứa chưa thực hiện được, một thú vui hay một thói quen nào đấy rất đặc trưng của người quá cố..., chứ chẳng mấy ai đủ tinh tâm để suy xét tường tận mọi công trạng và tài năng của người khuất một cách mạch lạc, rõ ràng như thế. Điều đó chỉ có thể có được ở những người chu đáo, cẩn thận và thường có lối tư duy của những ông đồ nho xưa, của những người thầy.

Dường như đã làm thầy, đã đứng trên bục giảng, người ta thường sợ và e dè mọi thứ, luôn tìm cách nghe ngóng để điều chỉnh hành vi của mình cho có chừng mực hơn, nên ngay cả việc yêu, ghét, vui, buồn - những thứ tình cảm rất thông thường của con người cũng rất khó được bộc lộ ra một cách đầy đủ ở họ, giống như những người khác. Ngay cả trong tình yêu, nơi mà sức mạnh của nó có thể gạt bỏ mọi rào cản, mọi chướng ngại thì đối với người thầy, điều đó cũng khó mà làm được. Đọc thơ Nguyễn An Ninh, mọi người sẽ nhận ra được điều này và ngay cả những bài thơ mang dáng dấp thơ tình thì cũng chỉ là thơ tình nhà giáo, một thứ tình yêu thánh thiện và thuần khiết, dường như không có thật trong cuộc đời này, hay chỉ ở đâu đó trong

sách vở, hoặc là ở những năm chiến tranh và suốt thời kì bao cấp đã xa lắc xa lơ. Cũng biết rung động trước cái đẹp, yêu cái đẹp, cũng vương vấn, nặng lòng với một bóng hình nào đó, nhưng lại không thể nói ra được những lời nồng nàn yêu thương, âu yếm, mà chỉ là những nỗi nhớ mơ hồ, vu vơ, xa xăm, chỉ là sự liên tưởng, tưởng tượng để mộng mơ và thế đã là đủ cho hương vị một cuộc tình, đủ để thoả nỗi nhớ mong. Thậm chí, ngay cả nỗi nhớ cũng rất chung chung, trừu tượng chứ không có những điều thật cụ thể, thật rõ ràng, thật đời thường để tạo nên chất men tình yêu nồng nàn và có thể thu hút nhau một cách mãnh liệt, quấn quýt như tình yêu lứa đôi ngày nay:

Triều dâng Cát Thắm, Vân Phong

Yên đôi dệt tổ ấm lòng non cao

Sóng ru Hòn Thi, Hòn Lao

Biển cho anh ngã sóng vào lòng em

(Đêm Nha Trang)

Biểu hiện của lối tư duy nhà giáo bao giờ cũng rất rõ ràng từ những điều hết sức bình thường như thế. Và sự rành mạch đó, thấu đáo đó đã không để cho cảm xúc của những nhà giáo cầm bút đi được

đến tận cùng của nỗi đau, tận cùng của khát vọng và vì thế, cũng rất khó có thể thăng hoa. Điều này cũng làm cho cảm xúc của người sáng tác bị thụ động, không thể rung động hết theo lẽ tự nhiên, dù chỉ cần vượt được qua ranh giới đó là sẽ trở nên rất sâu sắc.

Cảm xúc thơ của những nhà giáo thường đến chậm, và thụ động, thường bị đóng khung, đóng hộp nên hay mang đến cho người đọc cảm giác bị ức chế, bởi nó được bắt nguồn từ lối tư duy cũ, khá khuôn mẫu và sách vở. Tư duy đó thường làm cho ý thơ, bài thơ trở nên lạc lõng, thậm chí là hơi vô duyên so với thời cuộc và sự phát triển của thông tin, so với cuộc sống luôn xô bồ và đầy trắc trở. Nếu chỉ độ hơn chục năm về trước, có ai đó làm thơ theo cách cần mẫn đi lí giải những vấn đề của cuộc sống bằng những suy xét kỹ lưỡng, cặn kẽ, thấu đáo và luôn tìm đến với sự thật, với sự rõ ràng trong thơ thì người đó có thể được nhiều người yêu thích, vì dù sao, phong cách thơ, tư duy thơ, bút pháp thơ ngày đó mang nặng tính truyền thống. Bây giờ thì người ta không còn mất thời gian để làm thơ như thế nữa vì với sự phát triển của thông tin, những kiến thức mang dấu ấn của khoa học như thế có thể tìm thấy ở

bất kì đâu. Vì thế, người ta đòi hỏi thơ phải có cách lí giải cuộc sống riêng với những sự mới lạ, độc đáo, sáng tạo và kể cả là điên rồ, miễn là người viết và người đọc đều thấy có lí, thấy đó là sự phát hiện mới của mình. Những điều đó là vấn đề của cuộc sống hiện đại, của thơ hiện đại. Trong "Sông Hồng ơi sông đờ", có cả một phần tới 9 bài thơ, cùng nhiều bài ở những phần thơ khác, Nguyễn An Ninh đã đi lí giải và triết lí về những vấn đề của cuộc sống và đó thực sự là những sự lí giải mang tính truyền thống, sách vở, khuôn mẫu, giống như lời giảng của thầy dành cho trò. Điều đó, dường như có vẻ không hợp thời, không đồng điệu, không sáng tạo, ngược lại, có vẻ sáo mòn, cũ kĩ và hơi khó đọc:

... Dáng nghiêng chĩa về phía biển

Như đôi từng cơn bão đến

Rễ kiềng bám chặt đất sâu...

... Dáng nghiêng choãi về phía biển

Ngon xa nhưng quả rất gần.

(Dừa biển)

Những lí giải cặn kẽ đó thường có trong sách

giáo khoa và bao giờ cũng đầy đủ, dễ hiểu, nhưng với thơ sẽ làm cho người đọc hơi *ngán*. Trong bài "*Hạt đắng*", rõ ràng, thứ không ăn được, còn lại cuối cùng của quả quýt là hạt - hạt đắng, nhưng không phải cái hạt đó không có giá trị gì, mà chính nó tạo ra sự sống của cây để cho những mùa quả ngọt lành. Triết lí đơn giản và dễ hiểu như thế thì rõ ràng là cách dạy học của người thầy chứ không phải của một tư duy thơ, vì thơ hàm súc hơn, hình tượng hơn, sâu sắc hơn:

Anh ăn trái quýt em phân
Ăn hết múi ngọt đến lần vỏ cay
Chỉ còn hạt đắng trên tay
Ngờ đâu cây tự hạt này nở ra.

(Hạt đắng)

Một biểu hiện rõ ràng nữa cho lối tư duy nhà giáo trong "*Sông Hồng ơi sông đỏ*" của Nguyễn An Ninh chính là việc ít quan tâm đến xử lí ngôn từ. Đường như trong tâm thức của những người thầy luôn sợ người khác không hiểu được hết, không hiểu được cặn kẽ những gì mình nói nên thường chỉ chú ý đến cách diễn đạt cho đủ ý, đơn giản, dễ hiểu, dù là nôm na, chứ không quan tâm đến việc tìm kiếm,

sáng tạo ngôn ngữ, hình ảnh, không dụng công trong việc đổi mới bút pháp. Điều này làm cho thơ Nguyễn An Ninh khá cũ, truyền thống cả trong bút pháp, ngôn từ và tư duy thơ, nên các bài thơ thường viết dài, rườm rà, kém hấp dẫn và không có sức cuốn hút người đọc. Rất mừng là cả tập cũng có được vài bài vượt qua được lối tư duy này, mang lại sự tươi trẻ, sung sức cho ngòi bút của ông. Đó là bài "Đạ ơi" với nhiều câu thơ rất lúng liếng, trữ tình, đậm chất Tây Nguyên, được nhạc sĩ Lê Hồng Thái phổ nhạc thành ca khúc cùng tên khá hay:

... Mái tóc em bay lượn

Trên bộ ngực tròn căng như đoá cẩm tú cầu...

... Em hãy cầu Giàng cho anh sức khoẻ để anh làm chồng

Anh xin cầu Giàng cho em nòn nà để em làm vợ...

... Rồi sinh con đẻ cái

Cho tháng năm nối tiếp nhà dài...

Bài thơ đã mang lại sự hấp dẫn cho cả tập thơ,

làm cho người đọc đỡ mệt mỏi và làm cho Nguyễn An Ninh không bị lẫn lẫn vào rất nhiều người làm thơ khác.

"*Sông Hồng ơi sóng đỏ*" là một tập thơ dễ đọc, dễ hiểu nhưng rất khó cảm, khó tìm được người tri âm, đồng điệu. Có thể nói, thơ Nguyễn An Ninh thường bắt người ta phải đọc lâu, nghĩ lâu và phải có kha khá vốn sống mới cảm nhận được hết cái hay, cái đẹp của thơ. Vì thế mà thơ ông thường kén người đọc. Đây không phải là một tập thơ hay, có thể để lại nhiều dư vị, nhiều dấu ấn trong lòng người đọc, nhưng là một tập thơ xinh xắn, đáng trân trọng bởi sự lựa chọn kỹ càng, công phu, tỉ mỉ với một phần thơ chữ Hán khá lạ và độc đáo. Tập thơ cũng đã phản ánh khá đầy đủ, sinh động lối tư duy mạch lạc, những tư tưởng, tình cảm rất mẫu mực, rất đáng kính của một người thầy về cuộc sống, tình yêu và hạnh phúc. Giải Ba - Giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến lần thứ V (2001 - 2005) của UBND tỉnh Hà Nam trao cho tập thơ "*Sông Hồng ơi sóng đỏ*" chính là sự ghi nhận những tình cảm nồng hậu, ấm áp của một nhà giáo làm thơ.

Tháng 6 - 2007

Nguyễn Hải Chi

đang chín trong thơ lục bát

Xưa nay, đã là người Việt Nam, dù không biết chữ thì ai cũng có thể làm được một vài câu thơ lục bát. Đó là bởi vì thơ lục bát là loại thơ truyền thống, dễ làm, dễ thuộc, giống như một công thức toán học, chỉ cần lắp ghép câu chữ vào công thức ấy cho có nghĩa và có vần là được ngay một câu lục bát để nhớ, để đọc cho nhau nghe, thậm chí còn có thể truyền miệng cho nhiều người. Thơ lục bát dễ làm như vậy nên cũng rất khó để có thể tạo ra được một phong cách riêng trong bút pháp, ngôn từ, để sa đà vào nô nôm na, vẫn vè như kiểu thơ phong trào và thực

sự rất khó làm được thơ hay. Nhiều người đã ví thơ lục bát giống như một cái hộp cát-tông có sẵn, người làm thơ chỉ việc chọn câu chữ và sắp xếp vào hộp đó. Ai biết cách sắp xếp và lèn được chặt thì câu thơ sẽ có sức nặng về ý nghĩa và có cấu trúc chặt chẽ, còn không, ý thơ sẽ nông, câu chữ lỏng lẻo, nôm na. Chính vì thế mà những người làm thơ thường rất "sợ" và hay bị nốc-ao bởi thơ lục bát. Rất ít người chọn lục bát là thể loại thơ chính, mà thường chỉ coi đó là một sân chơi để dạo qua, để thử nghiệm vài bài. Đó cũng là lí do mà những người viết rất ít khi in lục bát thành một tập riêng vì có làm thơ lục bát hay đến mấy, thì khi dồn lại thành một tập cũng rất khó đọc, khó tiêu hoá hết và thường làm cho người đọc có cảm giác nhàm chán, mệt mỏi khi phải đọc liên một lúc mấy chục bài. Thơ lục bát là loại thơ dễ nhâm nhi, ngâm ngợi, ngâm nga nên phải thưởng thức từng ít một. Điều này cũng giống như ăn một món ăn, dù được chế biến ngon đến đâu đi nữa, thì cũng chỉ ăn một vài miếng mới thấy ngon, chứ ăn cả bữa chỉ có độc một món, thậm chí, bữa nào cũng ăn, ngày nào cũng ăn mỗi một món đó sẽ ngấy và ngán đến tận cổ, không những thế, nhiều người còn cảm thấy kinh, sau này không dám ăn nữa. Vì thế mà

khi in tập, người viết thường đưa vào đó nhiều thể loại thơ khác nhau. Thế mà Nguyễn Hải Chi dám in hẳn một tập thơ lục bát riêng khi mà tên tuổi của anh, ngoài những ai quan tâm đến văn học trong tỉnh Hà Nam ra, rất ít người biết đến anh. Điều này thực sự là bản lĩnh.

Đọc xong cả tập thơ lục bát "*Nơi hồn thu ở lại*" của anh, tôi vẫn muốn đọc lại vì thực sự có nhiều câu thơ khá tài hoa, đáng để ngẫm ngợi, ngâm nhi. Người đọc sẽ không cảm thấy nhàm chán và tiếc nuối khi phải bỏ thời gian và công sức ra để tiêu hoá liền một lúc 49 bài trong tập thơ lục bát của anh. Đó là biểu hiện của tài năng, của sự chuyên nghiệp. Tất nhiên, không phải bài nào cũng đáng để đọc, nhưng nhìn chung, đây là tập thơ khá hay, đều tay, được lựa chọn kĩ càng nên để lại trong lòng người đọc nhiều dư vị khó quên. Nói rất thật lòng, nếu ai được đọc tập thơ này của anh trước sẽ chẳng còn muốn đọc những tập thơ khác đang được in nhan nhản ở Hà Nam hiện nay nữa. Còn nếu đang quá mệt mỏi vì phải *đánh vật* với những tập thơ khác, thì nên chuyển sang đọc "*Nơi hồn thu ở lại*", sẽ thấy lòng mình dịu đi, mọi âm ức, bực dọc sẽ tan biến nhanh, sẽ không còn cảm giác mệt mỏi và sẽ có ngay được

cảm giác hứng khởi chỉ sau vài bài. Đến tận bây giờ, tôi mới nhìn thấy được tài năng của Nguyễn Hải Chi và tài năng đó chỉ được thể hiện trong thơ lục bát. Nếu không có thơ lục bát, có lẽ chẳng bao giờ tôi lại giật mình, chú ý đến **thơ** của anh nhiều như vậy. Nói hơi quá nhưng cũng rất thật lòng là anh chỉ nên đi vào thơ lục bát và giọng điệu của anh cũng chỉ hợp với thơ lục bát. Anh là người của thơ lục bát và ngòi bút của anh cũng chỉ dành cho thơ lục bát. Chỉ có lục bát mới làm cho thơ của anh thăng hoa, mới giúp cho anh có thể ngụp lặn trong đó, đắm đuối trong đó mà chiêm nghiệm cuộc sống, mà quan sát và liên tưởng, so sánh và trần trở với những gì đơn giản, bình dị xung quanh anh, mới giúp anh có thể đau đớn, quần quại, run rẩy, ảm ức cả thể xác và cảm xúc của mình trong kiếp nhân sinh.

Người đọc có cảm nhận, dường như Nguyễn Hải Chi có nhiều duyên nợ nơi cửa Phật. Có lẽ, cuộc sống bon chen, bấp bênh nơi trần tục làm cho anh luôn lo lắng không yên nên tìm đến cửa chùa như tìm đến một sự giải thoát cho những bế tắc trong tâm hồn. Nhưng vốn là người hay quan sát, quan sát rất kỹ và luôn tìm cách so sánh, liên tưởng, nên dù có đến chốn thâm thiền thì lòng anh cũng chưa thể về với

cõi bình yên, thanh thản. Anh ngắm ngời nhiều về nhân sinh quan, về số kiếp con người. Có đến một phần tư số bài trong tập thơ, anh nói đến cửa thiền và vương vất những tư tưởng nơi cửa thiền khi nghĩ về cuộc đời nơi trần thế. Lại thay, đó lại là những bài thơ có sức thu hút người đọc:

Tình xưa mắc tội gì đâu

Cũng đừng trách tội Thị Mầu lẳng lơ

Làm sao Tiểu Kính ngày thơ

Dấn thân tu, lại giả vờ làm trai

(Quả táo)

Ở đâu nước mắt đầm đìa

Nơi nao bóng lộc tranh chia nụ cười

Muốn quên ham hố trong đời

Những mong cứu độ phận người sắc không

(Yên Tử)

Trong cái mênh mông của cõi Phật ấy, anh cũng muốn tìm thấy những cái tươi non của sự sống, cái níu kéo của cuộc sống trần tục:

Em như quả táo tươi giòn

Gặp màu thiên hồng lẫn tròn sân rêu...

(Quả táo)

Dở dang duyên phận vào chùa

Gió xuân hơ hơ cứ đưa tam quan

(Thực)

Chỉ tiếc rằng, cuối cùng thì những bài thơ mang màu thiên của anh lại thất bại bởi những tư tưởng, giáo lí uyên thâm của đạo Phật, anh vẫn chưa ngộ được là bao, nên chưa hiểu được giá trị của cuộc sống nơi cửa thiền. Vì thế mà có nhiều câu thơ vì muốn mang bóng dáng tư tưởng của đạo Phật, anh lại làm cho câu thơ trở nên tối nghĩa, khó hiểu và làm mất đi ý nghĩa nhân sinh quan của đạo Phật:

Mấy phen cửa Phật ngả nghiêng

Người thành bồ - tát, kẻ riêng phận buồn

(Quả táo)

Thực tâm dâng hết khóc cười

Đời khuyên hoàn tục, đạo mời chân tu.

(Thực)

Thành công nhất của Nguyễn Hải Chi trong tập thơ này là anh đã cố gắng đi tìm và đã tìm được những giá trị đích thực còn lại của những gì đã qua,

những con người của quá khứ và những triết lí sống gần gũi, chân thực, có sức thuyết phục cao. Thực ra thì những điều đó cũng không có gì là mới bởi đã có nhiều người nói đến, nhưng những suy nghĩ, tâm trạng của anh về những điều phát hiện đó thì lạ và có chiều sâu của lí chí. Anh phát hiện ra nét buồn giấu kín của mẹ khi phố xá tiến về đến tận cổng làng:

Bữa thì thềm khế, thềm gừng

Nhà sang vẫn phải mua từng gói tắm

(Lên phố)

Anh có những phát hiện rất lạ và có những câu thơ tài hoa để đặc tả những chiêm nghiệm của mình về làng quê và những thứ rất đời gần gũi, thân quen, gần bó:

Bão tan, cây lá tả tơi

Như vừa kiệt sức sau hồi đánh ghen

(Sau bão)

Cơn mưa ngóng tiếng ếch xa

Trăng sông nhợt nhạt tháng ba quê nghèo

Ao làng trắng giác hoa bèo

Cánh đồng khô khát tiếng reo mưa rào.

*Lúa chiêm đợi nghén đồng dao
Hát câu già gạo cào cào mỗi chân
Nâng niu hạt ngọc trắng ngần
Nương nhờ đất nước hoá thân mà thành*

(Đồng dao cho cánh đồng)

Phát hiện về những nét đẹp của làng quê, ai có giỏi thì cũng chỉ tinh tế đến thế là cùng. Cái chất quê ấy đã làm cho thơ anh giàu nhạc điệu và đã làm nên một Nguyễn Hải Chi đậm thắm, đa mang, đa cảm:

*Tôi cứu vạn, em làm thuê
Chợt nghe giọng nói cùng quê mình rồi
Dẫu xuôi ngược mấy phương trời
Tấm thân lưu lạc vẫn lời rạ rơm*

(Giọng bắc)

Với những văn nghệ sĩ, có lẽ sự mãn cảm đã giúp Nguyễn Hải Chi dễ đồng cảm, đồng điệu với họ và dễ nhận ra những vẻ đẹp tiềm ẩn, chứa trong những trang viết của họ để lại cho đời. Với nữ sĩ Hồ Xuân Hương, anh thực sự tỏ lòng kính phục:

*Đâu cần hoàng hậu, ái khanh
Câu thơ kéo đổ cổng thành, cửa quan
Nổi chìm duyên kiếp hồng nhan
Lên ngôi Bà Chúa - thế gian mấy người*

(Đi tìm nữ sĩ)

Với Nguyễn Khuyến, Nam Cao, Hàn Mặc Tử..., anh đều có những xúc cảm rất chân thành với nỗi buồn day dứt và tâm trạng ảm ức, khắc khoải của họ:

*Vườn Bù, mẹ Mốc khóc cười
Trùng thêm dấu gậy, nghẹn hơi lối vòng
Chén thơm rượu Vọc khát mong
Trăng say khật khưỡng, nổi lòng đầy vơi*

(Nơi hồn thu ở lại)

Cũng như những người làm thơ khác, sau một thời gian tìm tòi, khẳng định phong cách của mình, Nguyễn Hải Chi cũng quay sang triết lí về cuộc đời. ở trong những triết lí đó, anh muốn trải nghiệm, muốn ngẫm nghĩ thật sâu sắc về cuộc sống, về thân phận con người và muốn giải bày tâm sự. Và anh đã có được những thành công:

... ..

*Đã một lần cháy thành than
Đang mình rạc đến lúc tàn chưa thôi
Lạnh lòng đen đúa tiếng đời
Nóng lòng gặp lửa lại ngồi hồng lên*

(Than hoa)

*Dẫu không che nổi chính mình
Xin làm bóng nhỏ âm tình sắc hương*

(Cây)

Tuy có nhiều câu thơ hay và tài hoa, nhiều suy nghĩ, lí giải độc đáo và lạ, nhiều quan sát tinh tế và góc cạnh, nhưng hầu hết các bài thơ của Nguyễn Hải Chi cũng chỉ được phần đầu và bị hụt hơi, bị đuối dần về cuối khiến bài thơ không hoàn chỉnh, giảm rõ rệt về giá trị nghệ thuật. Rất ít bài thơ trọn vẹn. Những câu kết thường làm cho bài thơ hoàn chỉnh và có ý nghĩa hơn thì trong thơ của anh, câu kết thường rất đơn giản, dễ dãi như kiểu người chạy sấp về đến đích thì hụt hơi nên ý thơ thường nông và không có tác dụng nâng bài thơ lên. Rất ít khi gặp được những câu kết tầm tàm. Câu kết có thể làm cho bài thơ hay hơn, có lẽ chỉ có trong một bài thơ duy nhất, dù bài thơ đó chỉ ở mức độ trung bình. Đó là bài *Sông*:

Đời sông sóng gió đã nhiều

Quần lòng rắng đỏ những chiều đợi trăng.

Đọc thơ Nguyễn Hải Chi, mọi người đều có thể nhận ra sự cố gắng xoay sở, tìm kiếm những ý tưởng sáng tạo, cách sử dụng ngôn từ mới lạ, độc đáo và có sức gọi của anh. Nhưng mọi người cũng không khỏi ngạc nhiên về sự lúng túng, vụng về của anh trong cách xử lí ngôn từ khi thể hiện ý tưởng của mình. Phải thẳng thắn thừa nhận rằng, nhiều lúc anh thực sự rất bí từ, nên viết ra nhiều câu thơ tối nghĩa, vô hồn, vô cảm và rất đáng tiếc, vì nếu khát khe hơn, chau chuốt hơn, kĩ lưỡng hơn, chắc chắn đó sẽ là những câu thơ rất hay. Điều đó đã làm cho người đọc thất vọng, giống như đang ăn một bát cơm gạo tám ngon lành thì nhai phải sạn vậy. Chỉ cần một hạt sạn thôi, cũng đủ làm cho cả bát cơm không còn ngon nữa, thậm chí phải đổ đi:

Khó khăn biết nhịn kêu ca

Bồng ngô mua chợ làm quà dễ chia

(Mẹ tôi)

Mảnh vườn lão Hạc đầu đây

Chí Phèo, Thị Nở ngất ngậy phút người

Hết say tìm được cuộc đời

Đi đòi lương thiện cỡi người khát khao!

(Về thăm quê Nam Cao)

Nếu được chọn những bài thơ khá nhất, để lại nhiều ấn tượng nhất trong cả tập, tôi chỉ thích có hai bài và đó cũng là hai bài tương đối hoàn chỉnh. Đó là bài “*Đồng dao cho cánh đồng*” và khá nhất là bài “*Đá làng*”. Đây là những bài thơ thành công nhất của Nguyễn Hải Chi và là những bài không có sạn, lại giàu chất tư duy, giàu tính sáng tạo, giàu tính nhạc, giàu cảm xúc và thực sự đã đánh dấu sự vượt trội, sự trưởng thành trong ngòi bút của anh khi anh bắt đầu định hình được con đường sáng tác và thế mạnh của mình trong mảng thơ lục bát. Bài thơ “*Nơi hồn thu ở lại*” không phải là bài tiêu biểu, vì nó chỉ ở mức trung bình, nhưng tên của bài thơ này dùng để làm tên của cả tập thơ thì lại có sức nặng vì nó toát ra được cái hồn cốt, cái tinh anh và cảm xúc chung của cả tập thơ.

Nếu được chọn một cặp thơ lục bát thích nhất trong cả tập, tôi sẽ không ngần ngại chọn hai câu đầu của bài thơ “*Lên Cấm Sơn*”, vì nó là sự thăng hoa thực sự của ngòi bút Nguyễn Hải Chi và nó

cũng đã ám vào, vận vào đời anh, vào sự nghiệp sáng tác của anh:

Cùng em leo núi nữa chiều

Với tay gõ chạm cánh diều chơi với.

Ngay khi chưa gửi sách lên nhờ Hội Nhà văn Việt Nam chấm giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến lần thứ V (2001 - 2005), trong thâm tâm tôi đã chấm tập thơ này của anh giải Nhì. Hơi tiếc là nó lại chỉ được xếp vào giải Ba. Nhưng dù sao, với anh, đó mới chỉ là sự bắt đầu cho một cuộc bút phá.

Tháng 5 - 2007

Thời sôi nổi những hồi ức dang dở về một cuộc hành trình

Lương Hiền là một nhà văn đa tài. Ông có thể sáng tạo văn học nghệ thuật (VHNT) ở nhiều lĩnh vực khác nhau: từ truyện ngắn, tiểu thuyết, làm thơ, viết kịch bản phim đến nghiên cứu sưu tầm văn nghệ dân gian, chụp ảnh nghệ thuật, kiến trúc, viết nhạc và chơi nhạc... Ở thể loại nào, ông cũng có được những thành công. Ông đã được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh cho những công trình kiến trúc mà ông thực hiện từ ngày còn làm Tổng công trình

sư Quốc phòng. Ông cũng đã đoạt được giải Nhất cuộc thi truyện ngắn của Tạp chí Văn nghệ quân đội với tác phẩm "*Tiếng bom hoà bình*". Ông còn là một trong 10 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam có sức viết khoẻ nhất với khoảng hơn 70 đầu sách đã được xuất bản. Gia tài về VHNT của ông thực sự đáng nể và không phải nhà văn nào có tài cũng có thể làm được. Tôi rất may mắn là đã được quen biết với ông khá lâu và thỉnh thoảng vẫn được ông động viên, trao đổi, hướng dẫn về nghiệp vụ, về quan điểm cũng như kinh nghiệm sáng tác, phát hành để tác phẩm của mình nhanh chóng đến được với công chúng. Những điều đó giúp tôi rất nhiều trong sáng tác. Những điều đó cũng làm cho ông gắn gũi với tôi hơn và tôi rất quý trọng ông. Tuy nhiên, trong rất nhiều tác phẩm của ông mà tôi đã đọc, cho đến tận bây giờ, vẫn chưa có một tác phẩm nào của ông có thể thuyết phục được tôi, có thể làm cho tôi chú ý và mất nhiều thời gian, công sức, thậm chí còn chưa có một tác phẩm nào có thể làm cho tôi thích và đọng lại được trong trí nhớ của tôi, kể cả cuốn tiểu thuyết "*Thời sôi nổi*" của ông mới được giải Ba - Giải thưởng VHNT Nguyễn Khuyến lần thứ V (2001 - 2005) mà tôi vừa đọc chưa lâu.

Mấy chục năm cầm bút, Lương Hiền cũng đã tạo lập cho mình được một dấu ấn riêng, một phong cách riêng, chỉ tiếc rằng, đó lại không phải là một phong cách ấn tượng, không phải phong cách của một ngòi bút tài hoa và cũng không phải là phong cách của một nhà văn có thể viết được những tác phẩm có giá trị và neo đậu được trong tâm hồn người đọc. Đó chỉ là một phong cách viết cần cù, chịu khó, không mệt mỏi của một người có nhiều vốn sống, có nhiều trải nghiệm và có một tình yêu văn chương nồng nàn.

Tôi đã phải cố gắng rất nhiều để đọc cho xong cuốn tiểu thuyết "*Thời sôi nổi*" của ông. Không có ấn tượng gì đáng kể và thực sự là vất vả. Vất vả vì cuốn sách quá dày so với những gì nó chuyển tải đến người đọc. Vất vả vì cách kể chuyện quá lan man và hơi tham lam trong việc liệt kê các chi tiết làm cho câu chuyện đơn điệu, rườm rà, không hấp dẫn, khiến cho người đọc mất hứng, thậm chí còn cảm thấy nhàm chán và mệt mỏi khi cứ phải theo dõi một câu chuyện còn dang dở và hết sức tẻ nhạt nhưng lại rất lòng vòng. Đây là một cuốn tiểu thuyết viết về chiến tranh, về người lính nên ưu điểm lớn nhất của nó là có rất nhiều tư liệu và sự

kiện khá chân thực, khá sinh động bởi tác giả Lương Hiền là một sĩ quan cao cấp của quân đội, đã có mấy chục năm lăn lộn, va đập ngoài chiến trường. Hơn nữa, cuốn sách viết về một phần đời của chính tác giả nên những suy nghĩ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật mặc dù hơi sơ sài và dễ dãi, nhưng người đọc vẫn cảm nhận được suy nghĩ, hành động, tác phong của một người lính. Tuy nhiên, ý tưởng, nội dung của tiểu thuyết là gì, nhà văn định nói gì qua cuốn sách thì người đọc chịu, không thể biết được, vì khi câu chuyện khép lại một cách cụt lủn và đơn giản như vậy, chẳng có điều gì còn vương vấn, chẳng có gì để suy đoán, ngẫm ngợi, thậm chí, nhiều người thấy vui mừng và bất ngờ vì cuối cùng thì câu chuyện cũng đã kết thúc. Nói chung, đây là cuốn tiểu thuyết viết chưa kĩ, tác giả cũng chưa có được sự đầu tư thời gian và công sức một cách nghiêm túc để chất lọc, chau chuốt chi tiết, hình ảnh, ngôn từ, cũng như chưa chú ý nhiều đến cấu tứ, bút pháp và chưa khéo léo trong việc xử lí, đan cài các chi tiết, khai thác các sự kiện, tình huống để tạo nên những kịch tính và sự bất ngờ cho câu chuyện. Đặc biệt, cuốn sách có quá nhiều lỗi chính tả khá ngớ ngẩn, được lặp đi lặp lại rất nhiều lần, thậm chí như từ

"bổ xung" và một vài từ khác, xuất hiện liên tục nhưng lần nào xuất hiện cũng không đúng chính tả. Điều đó chẳng khác gì những hạt sạn trong một bát cơm, khiến người đọc không thể tránh khỏi cảm giác khó chịu.

Nhân vật chính là Đen. Tên thật của anh là Nguyễn Trung Hiếu nhưng mọi người và chính bản thân anh cũng gọi mình là Đen, có lẽ bởi anh có dáng dấp nhỏ bé và nước da ngăm đen. Cũng có thể là vì anh luôn gặp đen đui trong cuộc sống, luôn bị người khác hãm hại, cướp công, dù anh chẳng bao giờ hại ai, chẳng bao giờ gây sự với ai. Anh là một người tài năng, quả cảm và luôn bình tĩnh trong những lúc khó khăn, hiểm nghèo. Vì vậy mà rất nhiều lần anh đã thoát chết, đã cứu được nhiều người, nhiều đồng đội. Vì vậy mà anh cũng đã lập được rất nhiều chiến công oanh liệt nhưng hết sức thâm lặng, bởi những chiến công đó, anh không nhận về mình. Cũng vì vậy mà anh được rất nhiều cô gái thương yêu và chăm sóc: từ cô Thu ngày anh còn đang phải thử thách ở trường Sĩ quan, đến cô Hoa được anh cứu khỏi bầy sói trong rừng, cô gái ở làng chài của Malaixia, cô gái Chăm, rồi cô Út giao liên, cô gái Lào, cô Lả - con gái Tạo bản nơi anh hoạt

động nội gián, cô Đào ở Sa Pa, cô Gi - tiểu đội trưởng ở Âu Lâu, cô gái trong rừng trong đêm liên hoan mà anh không biết tên...

Toàn bộ tiểu thuyết là những câu chuyện nhỏ kể về những con người, những vùng đất trong suốt cuộc hành trình của Đen, kéo dài khoảng bốn năm, suốt từ lúc anh còn là một chiến sĩ đang được thử thách trong trường Sĩ quan, rồi lưu lạc nhiều nơi cho đến khi anh tròn hai mươi tuổi, trở thành sĩ quan tham mưu, tham gia giải phóng Điện Biên Phủ. Chuyện bắt đầu bằng một hình thức kỷ luật Đen do sự rấp tâm hăm hại của một sĩ quan trong trường như là sự mở đầu cho một chuỗi những khó khăn, những chông gai, những sự đen đủi dồn dập đến với anh trong cuộc đời. Hai lần được thử thách, cả hai lần anh đều gặp tai nạn, bị thương nên không được học lên sĩ quan. Cũng vì yêu Thu - cô gái được một sĩ quan trong trường để ý mà anh bị chuyển lên vùng biên giới Việt - Trung làm tiểu đội trưởng tiểu đội trinh sát. Trong một lần làm nhiệm vụ, Đen cứu được Tiểu Hoa và được cô giúp đỡ trong việc trinh sát, tiêu diệt một số đồn bốt của lính Quốc dân Đảng ở thị trấn vùng biên. Hoa ngỏ lời yêu anh nhưng vì nhiệm vụ và vì sự kỷ luật của quân đội,

anh đã lần nữa phải từ chối. Sau thành tích lập được ở tiểu đội trinh sát nhờ sự lì lợm, gan dạ, bản lĩnh và thông minh, Đen được cử sang Trung Quốc học trường sĩ quan. Trở về, trong một trận đánh lớn, khi chỉ huy một trung đội phá hàng rào dây thép gai để mở đường cho quân chủ lực, Đen đã bị thương, bị địch bắt đưa về nhà tù Hoả Lò (Hà Nội). Tại đây, Đen đã rất gan dạ trước những đòn tra tấn dã man của kẻ thù và rất khéo léo tìm cách đấu tranh vượt qua những lần khai thác thông tin của địch để có thể nhanh chóng được thả ra, trở về chiến đấu cùng đồng đội. Nhưng không ngờ, lúc sắp được tự do cũng là lúc anh gặp chuyện không may khi gặp lại tên Bội, một kẻ phản bội có rất nhiều ân oán với anh. Hắn tìm cách hại Đen và xin được trực tiếp thủ tiêu anh. Nhưng một sĩ quan Pháp vì cảm phục sự dũng cảm và mưu trí của anh đã tìm cách đánh tráo tù binh để anh được sống. Sau đó, Đen bị đày ra Côn Đảo. Trên đường ra Côn Đảo, anh đã tìm cách nhảy xuống biển để trốn và bị giạt vào hòn đảo Bảy Cảnh, gần Côn Đảo. Hơn tuần sống trên đảo hoang một mình, Đen vừa phải tìm cách bắt cá để ăn sống, vừa phải trốn tránh sự truy quét, tìm kiếm của kẻ thù. Cuối cùng, anh đã quyết định vượt biển bằng bè

chuối ra hải phận quốc tế, rồi sẽ tìm đường về đất liền sau, chứ không về ngay hướng đất liền vì địch kiểm soát rất chặt chẽ, dễ bị phát hiện và dễ bị bắt lại. Đúng đêm có gió mùa Đông Bắc, anh căng buồm cho bè ra khơi. Không ngờ, biển động mạnh, làm cho anh chổng đờ quá vất vả, bị kiệt sức và ngất đi.

Khi tỉnh dậy, Đen thấy mình đang ở trong một gia đình ngư dân ở làng chài nhỏ của Malaixia. Ở đó, anh đã được một cô gái chăm sóc và nhờ tài đan lưới của mình, Đen đã không bị dân làng giao cho lính Tây, lại còn được kết nạp vào thành viên của làng. Trong một lần ra khơi đánh cá, Đen đã cứu được một người bạn tù Côn Đảo khỏi tay bọn cướp biển và cùng người bạn tù đến sống tại một làng chài Khơ-Me. Trước khi tìm đường về nước, anh cùng người bạn tù giúp làng chài Khơ-Me đánh Pháp, huấn luyện cho thanh niên ở đây cách đánh Tây và giúp họ thành lập một đội du kích. Trên đường vượt biển về nước, anh và người bạn tù rơi vào tay bọn cướp biển và suýt bị chúng bán lại cho quan Pháp ở Côn Đảo. Nhờ sự mưu trí, Đen đã hạ gục được bọn chúng. Tuy nhiên, do không thông thạo địa hình nên hai anh đã bị bọn cướp lừa vào vùng toàn sinh lầy và cá sấu. Nhờ sự mưu trí, gan

dạ và dũng cảm của người chiến sĩ cộng sản, Đen và người bạn tù đã thoát chết, đã cảm hoá được một tên cướp và đưa hắn vào hàng ngũ của mình. Suốt từ lúc vào được đất liền cho đến khi ra được ngoài Bắc. Đen đã cùng nhiều đồng đội chiến đấu rất dũng cảm và trải qua những giờ phút hết sức hiểm nghèo. Trở lại đơn vị cũ sau sáu tháng xa cách, kể từ lúc anh bị thương và bị địch bắt làm tù binh, Đen bị đơn vị đưa vào diện nghi vấn, phải nằm chờ thẩm tra, xác minh lại nhân thân. Trong lúc đó, Đen vẫn tham gia chiến đấu và lập được chiến công lớn, nhưng do bị một số sĩ quan đố kỵ, gièm pha, Đen không những không được khen thưởng, còn bị đẩy về những vùng gian nan, nguy hiểm. Đến khi mặt trận Biên giới cần người, anh mới được khôi phục lại chức vụ cũ và được trở lại mặt trận. Chuyện khép lại bằng hồi ức của anh trong một đêm 30 Tết, tại một gia đình người dân tộc thiểu số mà anh nghỉ nhờ trước khi vào mặt trận Điện Biên Phủ. Lúc đó, anh vừa tròn hai mươi tuổi.

Hành trình của Đen là một cuộc phiêu lưu hết sức mạo hiểm và kì thú với rất nhiều gian nan, thử thách. Với một cuộc phiêu lưu lí thú như thế, nếu biết khai thác, câu chuyện sẽ cực kì hấp dẫn, lôi

cuốn, sẽ luôn làm cho người đọc bị bất ngờ, hồi hộp, lo lắng cùng hành động của nhân vật và đã đọc một vài dòng rồi thì không thể không đọc cả trang, đọc một trang rồi thì không thể không đọc tiếp vì câu chuyện luôn mở ra những điều mới lạ, những tình huống nguy nan, gay cấp ở phía trước, mà người đọc sẽ rất tò mò muốn biết diễn biến tiếp theo như thế nào, nhân vật sẽ có những hành động gì để thoát khỏi hiểm nguy... Tuy nhiên, nhà văn Lương Hiền lại không làm được điều này, mặc dù ông đã tạo ra được rất nhiều chi tiết hay và thú vị. Chỉ tiếc là những chi tiết đó được viết ra rất vội vàng, rất sơ sài, chủ yếu là liệt kê nên chưa đầy lên được thành truyện, thành những kịch tính, những cao trào và vì vậy, không thể tạo ra được bất kì sự đột biến nào cho câu chuyện, không bắt người đọc phải cuốn theo trang sách của mình. Gần một trăm trang đầu, khi kể về sự quan tâm chăm sóc, lo lắng của Thu dành cho Đen, ông viết rất lan man dù nội dung chẳng có gì đáng kể và chỉ cần gói gọn trong vài trang. Rất nhiều chi tiết thừa thãi, không liên quan gì đến nhau và cũng chẳng liên quan gì tới câu chuyện cả, chẳng hạn như việc giải thích tên gọi Vệ quốc đoàn... Ngay cả chuyện Thu và Đen trên đồi chè

cũng hơi thô tục và lời thoại quá nhiều, không cần thiết. không ăn nhập với câu chuyện, bởi tâm lí người đang yêu khi hiếm hoi lắm mới có một cơ hội để gặp gỡ riêng với nhau, để hiến dâng cho nhau, chẳng ai lại đi ngồi nói chuyện huyên thuyên, rất nhiều, vu vơ và liến thoắng như đang diễn kịch trên sân khấu vậy. Họ chỉ nói với nhau bằng hành động, bằng cử chỉ âu yếm, đặc biệt bằng ánh mắt là chủ yếu. Với những tình huống như vậy, chỉ cần vài chi tiết là đủ. là có thể lột tả được một cách sâu sắc tâm trạng của người con gái khi yêu, khi muốn dâng hiến. Thế mạnh của tiểu thuyết là có thể đi đến tận cùng từng tâm trạng, từng tính cách, từng số phận của các nhân vật bằng những câu chuyện khác nhau. Và những câu chuyện đó muốn lôi cuốn, hấp dẫn được người đọc, muốn làm nổi bật được tính cách nhân vật thì cần phải gắn được vào đó những chi tiết thú vị. Không cần quá nhiều chi tiết vì nếu xử lí không tốt sẽ làm cho câu chuyện bị rối, bị rườm rà và tẻ nhạt. Chính những chi tiết không cần thiết đó đã làm cho Thu đang là một cô gái đẹp người đẹp nết, có nhiều người theo đuổi, có tình yêu trong sáng và đẹp đẽ bỗng trở nên hết sức trơ trẽn bởi sự cuồng loạn, cuống quýt, gấp gáp trong việc đòi hỏi nhục

dục, rất bản năng và tầm thường. Trong khi đó, cuộc hành quân bí mật của tiểu đội Đen rất gian nan, nguy hiểm, phải luôn rừng, trèo đèo, lội suối trong lúc lữ về khiến cho người thì bị chết đuối, người thì bị rấn cắn chết, người thì bị ngã núi... rất hay và cảm động, mà chỉ cần kể theo diễn biến của từng sự việc đã thấy rất hấp dẫn rồi, nhưng tác giả lại chọn giải pháp liệt kê, thành ra người đọc bị cụt hứng.

Đoạn kể về Đen đấu tranh với sự hà khắc và cả cái chết luôn rình rập trong nhà tù, tác giả cũng chỉ biết kể lẽ dài dòng và liệt kê ra những sự dày dọ, đốn đau về thể xác, cũng như sự dưng cảm, kiên cường của anh nên không khai thác được những chi tiết thú vị. Cuộc trốn tù, lạc lên đảo Bảy Cảnh là một hòn đảo hoang, tác giả cũng chỉ đưa ra được một vài chi tiết lạ như Đen phải ăn cá sống để không bị chết đói, phải tự xác định hướng vượt biển trong khi không biết gì về biển nên rất liều lĩnh... chứ chưa phát huy được trí tưởng tượng của mình để có thể kể được một câu chuyện hấp dẫn. Ngay cả khi Đen vượt biển bằng bè chuối trong một đêm gió mùa Đông bắc về, biển động mạnh, không có tàu thuyền nào dám đi lại, người đọc cũng chẳng thấy được tâm trạng hoảng hốt, lo lắng gần như đến

tuyệt vọng của Đen trước sự sống quá mong manh và nhỏ bé. Rồi anh làm thế nào để đấu tranh, vật lộn với sóng biển, hay sự giận dữ và cuồng nộ của biển cả ghê gớm, khủng khiếp, đáng sợ ra làm sao, sự căng thẳng đến kiệt sức và trí thông minh, gan dạ đến lì lợm của Đen trước việc giành giật sự sống với biển cả như thế nào... thì người đọc không thể hình dung được với cách kể quá sơ lược của tác giả.

Chi tiết Đen dạy các cô gái làng chài ở Malaixia đan lưới khi được họ cứu sống và cứu mang khá thú vị nhưng lại chẳng chứa đựng ý tưởng gì. Buổi lễ nhập làng, tác giả cũng không tưởng tượng được cho hết cái kì lạ, độc đáo trong văn hoá truyền thống của một làng chài hẻo lánh, trình độ dân trí thấp. Rất nhiều câu chữ cụt lủn và lặp lại một cách vô thức như "rồi", "tiếp đó"... và hàng loạt sự việc được tác giả sắp xếp như kiểu người ta xếp bài khi chơi tú lơ khơ, giống như một người nông dân nhổ mạ rồi vơ tất cả lại và bó thành một bó vậy. Những điều đó, cộng với ngôn ngữ thiếu hình tượng, thiếu tính biểu cảm làm cho hàng loạt câu chuyện đáng lẽ ra rất thú vị bỗng trở thành những câu chuyện nhạt nhẽo, kể cả những câu chuyện mang dáng dấp hành động, trinh thám như chuyện Đen đánh nhau với lũ cướp

biển để cứu người bạn tù, rồi cùng người bạn tù tổ chức nhiều trận đánh Pháp, tổ chức và huấn luyện đội du kích ở làng chài Khơ-Me, hay khi tìm cách đánh lừa bọn buôn người để trốn lên bờ... Đã vậy, các chi tiết lại khá rời rạc, khô cứng do thiếu trí tưởng tượng, thiếu cảm xúc, thiếu sự nhập vai vào nhân vật nên nhiều chi tiết rất hời hợt, hời hợt như khi đánh nhau với bọn thổ phỉ, khi bị đàn voi tấn công, khi bắn đàn cá sấu hung dữ... đều trở nên quá đơn giản và thiếu kịch tính. Nhiều sự việc, tác giả lại không lí giải bằng tâm trạng của các nhân vật nên Đen nhiều khi hành động như một người máy. Ngay cả thái độ thờ ơ lãnh đạm của Đen trong những lần bị người khác cướp công, hãm hại, hay thái độ lạnh lùng đến vô cảm của Đen khi vượt sông bằng bè vào những ngày mưa lũ, trên đầu lại bị máy bay địch săn đuổi, thậm chí ngay cả khi bị một con hổ ngồi rình ngay bên ngoài màn chõ anh đang ngủ... đã khiến cho những câu chuyện cứ thế trôi tuột đi, không đọng lại gì do không có những mâu thuẫn, giằng xé, không có kịch tính, không có chỗ thắt nút và cởi nút, không có những cao trào nên không thể tạo ra được những đột biến cho câu chuyện.

Mặc dù có nhiều năm trong quân ngũ, hiểu rất sâu sắc về công việc, nhiệm vụ, sinh hoạt hàng ngày, cũng như những hiểm nguy mà người lính chiến phải đối mặt nhưng nhà văn Lương Hiến lại chất phác, thật thà như một người nông dân, chỉ cần biết cần cù, chịu khó cày sâu, cuốc bẫm và gieo hạt, rồi trông đợi đến mùa màng để thu hoạch, mà không để ý đến thiên tai, không biết tận dụng thời tiết, tận dụng các lợi thế sẵn có để thâm canh tăng vụ, tăng năng suất và làm giàu trên đồng ruộng.

Với một câu chuyện có quá nhiều tình huống gay cấn, quá nhiều chi tiết lạ, độc đáo như thế, bất kì ai, dù mới bắt đầu cầm bút, chẳng cần tài năng, chẳng cần chuyên nghiệp, chỉ cần biết kể lể, liệt kê và sắp xếp được các chi tiết theo trình tự thời gian trong cuộc hành trình mà Đen đã trải qua là đủ để viết được một cuốn tiểu thuyết dày xấp xỉ 500 trang như vậy. Hơn nữa, một cái kết quá đơn giản như thế, không những không tạo ra bất ngờ, không để lại ấn tượng gì và không bắt người đọc phải suy nghĩ, ngẫm ngợi, trăn trở mà còn làm giảm ý nghĩa của câu chuyện và những người đọc khó tính còn cho rằng tác giả không biết viết tiểu thuyết, thậm chí chẳng hiểu thế nào là tiểu thuyết. Nếu vậy, thà

khép lại câu chuyện ngay từ lúc Đen bảo vệ Tư lệnh quân khu Tây Bắc đi họp, phải tránh các đợt tập kích bằng máy bay của địch và anh đã khiến cho máy bay địch đâm vào vách núi nổ tung, sẽ gọn gàng và ấn tượng hơn. Với lại, thời sôi nổi đâu chỉ có đến tuổi hai mươi với những ấn tượng, những kỉ niệm lướt qua nhanh như những trang hồi kí còn dang dở như vậy. Người đọc muốn biết: trong thời sôi nổi ấy, những người trẻ tuổi ngày đó nghĩ gì, có tâm trạng thế nào, lí tưởng sống ra sao... Vì vậy, ngay cả tên tiểu thuyết cũng chưa hợp lí.

Tháng 2 - 2007

Nhà văn Đoàn Ngọc Hà và “đứa con” hiếm muộn

Ồ Hà Nam hiện nay, Đoàn Ngọc Hà là cây bút văn xuôi xuất sắc nhất và có lẽ, phải rất lâu nữa, văn học Hà Nam mới lại có thể có được một người viết được như ông. Ông có phong cách sử dụng ngôn ngữ lạ, phẳng phát đáng dấp của bậc tiền bối Nam Cao. Nhưng cách viết, cách đặt vấn đề, cách tư duy và sự chuyển động về tâm trạng, tâm lí, ngôn ngữ, hành động... trong các nhân vật của ông lại không lạ, thậm chí còn thường xuyên lặp lại ở hầu hết các tác phẩm. Dù các nhân vật có xuất xứ khác nhau, hoàn cảnh khác nhau, môi trường làm việc và vị trí xã hội khác nhau, cả trình độ học vấn cũng khác nhau nhưng cách nghĩ, cách giao tiếp ứng xử lại khá giống nhau. Buồn hơn là các tác phẩm đều có bố cục na ná giống nhau và hầu như tác phẩm nào ông cũng viết về sex với một nhục cảm khá tầm thường, thô thiển, tục tĩu.

Nhà văn Đoàn Ngọc Hà viết chậm, viết ít. Viết văn suốt từ năm 1965, nhưng số lượng tác phẩm của ông viết được cho đến nay, có lẽ cũng chỉ bằng khoảng hơn một nửa số năm ông cầm bút, lại chủ yếu là truyện ngắn. "*Đời nghệ sĩ*" là một cuốn tiểu thuyết khá hiếm muộn của ông. Vậy mà ngay khi vừa chào đời, nó đã bị băm bổ, bị bầm dập bởi đủ thứ búa rìu dư luận trong giới văn nghệ sĩ và độc giả ít ỏi của tỉnh Hà Nam. Có người khen, vì họ thấy thích thú cái giọng văn gai gai, nhừa nhựa, đọc lên cứ thấy nhồn nhột khắp da thịt và pha chút giễu cợt của ông, nhất là khi qua cuốn tiểu thuyết, họ biết thêm được những thói hư tật xấu, những suy nghĩ, toan tính trong đời sống nội tâm và trong các mối quan hệ chằng chịt, rối rắm của một số văn nghệ sĩ đã được ông mổ xẻ, phơi bày ra ngồn ngộn trong từng trang sách, giống như một kẻ đồ tể vừa phanh xong xác con lợn và quảng lên phản thịt vậy. Nhưng phần nhiều là chê trách, nhất là những người lâu nay vẫn giao hảo và coi văn nghệ sĩ như chỗ thân tình, bạn hữu. Họ cho rằng, ông chỉ nhìn nhận con người một chiều, phiến diện, thấy một vài cá thể rồi suy diễn và võ đoán mọi người như nhau. Vì thế mà cái nhìn của ông có vẻ thiếu thiện chí và hơi quy